TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/*2019/HNGĐ-ST*
Ngày: 10-01-2019
V/v: Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn. Tranh chấp nghĩa vụ tài sản trong thời kỳ hôn nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Anh

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

-***Thư ký phiên tòa****:* Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 96/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19/3/2018, về việc tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn và nghĩa vụ tài sản trong thời kỳ hôn nhân, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2018, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơ*n: Phạm Thị L, sinh năm 1981. Có mặt.

Địa chỉ: Số 7 đường Trung Tâm, tổ 3, thôn 1, xã Sn, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2.Bị đơn: Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 7 đường Z, tổ 3, thôn 1, xã Sn, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1973- Có mặt. Ông Bành Phi L1, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 71 đường J, thôn 2, xã Sn, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 5/3/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn Tr là vợ chồng, nhưng đã ly hôn vào ngày 11/8/2017, theo Bản án số 51/2017/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, nhưng về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản thì chưa phân chia. Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông Tr có tạo lập một số tài sản chung. Tuy nhiên do ông Tr cờ bạc gây ra nợ nần, nên đã bán đi một số tài sản như đất đai, xe máy cày, máy xới để trả nợ. Hiện còn lại: Thửa đấ số 61A, tờ bản đồ 01, diện tích 236m^2 và căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất này; 01 giếng nước, hệ thống điện và vật dụng sinh hoạt trong nhà. Bà L và ông Tr còn nợ số tiền 26.200.000 đồng của bà Lê Thị Mỹ H, tiền mua thức ăn gia súc khi còn là vợ chồng.

Nay bà L yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của bà L và ông Tr theo quy định của pháp luật. Bà L yêu cầu được chia căn nhà, vì sau khi ly hôn bà L được Tòa án giao nuôi cả 03 con chung, còn ông Tr sống một mình.

Do bị đơn Nguyễn Văn Tr không đến tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa, nên không có ý kiến trình bày của ông Tr.

-Đơn khởi kiện ngày 20/8/2018 và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị Mỹ H trình bày: Từ ngày 19/5/2015 đến ngày 4/1/2016 bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn Tr thỏa thuận

mua thức ăn gia súc của bà H và còn nợ lại số tiền 26.200.000 đồng. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông Tr, bà L không chịu trả số tiền này cho bà H, mặc dù bà H đi đòi nhiều lần. Nay yêu cầu ông Tr, bà L trả cho vợ chồng bà H số tiền 26.200.000 đồng, bà L không yêu cầu tính lãi.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bành Phi L1: Không đến tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa, nên không có ý kiến của ông L1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Phần thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên có yêu cầu độc lập thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chứng minh được khối tài sản đang tranh chấp là tài sản chung của bà L và ông Tr. Giá trị tài sản như biên bản định giá tài sản. Cần chia nhà đất cho bà L. Bà L có nghĩa vụ thối trả chêch lệch tài sản cho ông Tr và có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục và pháp luật áp dụng*: Việc khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn của nguyên đơn và khởi kiện yêu cầu trả tiền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy địnhkhoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn và ông Bành Phi L1 vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản sau khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận, bởi những căn cứ sau đây: Vào năm 2017 bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn Tr đã ly hôn, nhưng về tài sản chung, nợ chung vẫn chưa được giải quyết. Quyền sử dụng đất tại thửa 61A, tờ bản đồ 01, diện tích 236m^2 (diện tích thực tế 286,4m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 098404, được cấp vào ngày 6/8/2003, tọa lạc tại thôn 1, xã Sn, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, cùng căn nhà xây cấp 4B, diện tích 73,66m^2, nhà tạm 21,94m^2, giếng nước, nhà vệ sinh, mái che (vòm), hàng rào, sân xi măng và những vật dụng như: tủ gỗ, bàn gỗ, giường gỗ, tủ đông lạnh, dàn karaoke là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông Tr. Với tổng giá trị tài sản được định giá là 257.580.000 đồng. Ngoài ra còn các tài sản chung như: Tủ quần áo, tủ chén, máy giặt, quạt máy những vật dụng trong giai đình không có giá trị, nên đương sự không yêu cầu định giá, Hội đồng định giá tài sản không định giá vì giá trị thấp. Nay bà L và ông Tr không còn là vợ chồng, nên bà L yêu cầu chia số tài sản chung nêu trên theo quy định của pháp luật là có căn cứ, phù hợp với Điều 213 Bộ luật dân sự và Điều 29, 33 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Qua việc định giá tài sản đã kết hợp xem xét về đất đai và nhà ở của bà L, ông Tr, thì thấy rằng căn nhà nằm chiếm chổ gần như toàn bộ chiều ngang của thửa đất, chiều dài lô đất chỉ còn lại mấy mét phía sau căn nhà, nên không thể chia đôi nhà và đất cho bà L và ông Tr. Vì vậy cần phải chia cả lô đất và căn nhà cho một bên sử dụng và bên nào nhận nhà và đất, thì thanh toán chêch lệch tài sản cho bên kia là phù hợp. Hiện tại cả bà L và ông Tr đều không có chổ ở nào khác, nhưng xét thấy bà L là phụ nữ và là người trực tiếp nuôi cả 03 con chung. Do đó, cần giao nhà và đất cho bà L, để tạo điều kiện cho bà L và các cháu con của bà L, ông Tr có chổ

ở ổn định, để học hành là phù hợp. Riêng các tài sản không phải là bất động thì phân chia cho bên nào có nhu cầu và giảm thiểu mức độ thanh toán chêch lệch cho bên nhận tài sản có giá trị cao hơn. Đối với những tài sản có giá trị nhỏ thì không xem xét.

[4] Đối với yêu cầu thanh toán nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ H là phù hợp. Vì trong năm 2015, khi bà L và ông Tr còn quan hệ là vợ chồng và có mua thức ăn gia súc của bà Lê Thị Mỹ H, để chăn nuôi heo. Tuy nhiên bà L và ông Tr còn nợ bà H số tiền 26.200.000 đồng. Đây là khoản nợ chung của bà L và ông Tr. Do đó buộc bà L, ông Tr phải trả số tiền này cho vợ chồng bà H là phù hợp Điều 280, Điều 440 Bộ luật dân sự và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Do bà L nhận tài sản phần lớn, nên buộc bà L có trách nhiệm trả số tiền này cho vợ chồng bà H.

[5] Về diện tích đất chêch lệch giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế là do đo đạc không chính xác. Diện tích đất thừa, sẽ được UBND huyện Đức Linh xem xét cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc cấp bổ sung phần đất biến động tăng vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Do đó, khi được chia quyền sử dụng đất, thì bà L có trách nhiệm liên hệ với những cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh lại diện tích đất cho phù hợp thực tế.

[6] *Về án phí và chi phí tố tụng khác:* Mỗi bên chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 29, 33, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 98, điểm d khoản 1 Điều 99, Điều 143 Luật đất đai năm 2013; Điều 210, 213, 280, 357, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về tài sản:*

-Chia cho bà Phạm Thị L:

+Quyền sử dụng đất 286,4m^2 (trong giấy chứng nhận là 236m^2) tại thửa đất số 61A, tờ bản đồ 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 098404, mang tên hộ ông Nguyễn Văn Tr, tại địa chỉ: Số 7 đường Z, tổ 3, thôn 1, xã Sn, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, có tứ cận phía Bắc giáp đất ông Q, Nam giáp đường Z. phía Đông giáp đất bà S, phía Tây giáp nhà ông P, trị giá 64.000.000 đồng.

+Căn nhà cấp 4B nằm trên thửa đất 61A nêu trên, diện tích 5,8m x 12,7m = 73,66m^2, trị giá 141.365.000 đồng.

+Nhà tạm có bếp diện tích 7,7m x 2,85m = 21,94m^2, trị giá 13.167.000 đồng.

+ Nhà vệ sinh diện tích 3,2m x 2m = 6,4m^2, trị giá 4.416.000 đồng.

+Giếng nước, trị giá 1.500.000 đồng.

+Mái vòm che sân khung sắt, lợp tôn, diện tích 5,5m x 8m = 44m^2, trị giá 5.412.000 đồng.

+Mái vòm phía trước nhà khung sắt, lợp tôn, diện tích 2m x 8m = 16m^2, trị giá 1.968.000 đồng.

+Hàng rào hai bên hông nhà xây gạch, phía trên gắn lưới B40, trị giá 1.560.000 đồng.

+Hàng rào phía trước xây gạch, phía trên gắn khung sắt, bao gồm cả cửa ra vào, trị giá 1.357.000 đồng.

+Tường rào xây gạch cao 1,5m, trị giá 2.100.000 đồng.

+Sân đức bê tông diện tích 5,5m x 8m = 44m2, trị giá 6.578.000 đồng.

+Sân xi măng bên hông nhà diện tích 12,7m x 1,5m = 19.05m^2, trị giá 1.857.000 đồng.

+Hệ thống điện, trị giá 2.500.000 đồng.

(có sơ đồ vị trí thửa đất, hệ tọa độ VN 2000, khu vực thôn 1, xã Sn, tờ bản đồ số 89(245 398- 3- d) kèm theo).

Bà Phạm Thị L có trách nhiệm liên hệ với những cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh lại diện tích đất cho phù hợp thực tế và làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tổng giá trị tài sản được nhận: 247.780.000 đồng. Bà L có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị Mỹ H số tiền 26.200.000 đồng; thối trả tiền chêch lệch tài sản cho ông Tr 105.890.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thực nhận là 115.690.000 đồng.

-Chia cho ông Nguyễn Văn Tr:

+01 tủ kiểu bằng gỗ, trị giá 3.000.000 đồng.

+01 bộ bàn, ghế gỗ, trị giá 1.500.000 đồng.

+01 tủ đông lạnh hiệu Sataky, trị giá 1.500.000 đồng.

+02 giường gỗ, trị giá 800.000 đồng.

+01 dàn Karaoke gồm: 02 cái loa, 01 cái âm ly, 01 cái ti vi, trị giá 3.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản được nhận: 9.800.000 đồng bằng hiện vật và số tiền 105.890.000 đồng do bà L thối trả. Tổng giá trị tài sản thực nhận là 115.690.000 đồng.

2.Về nghĩa vụ trả nợ và thanh toán tài sản chêch lệch:

Bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ: Trả cho bà Lê Thị Mỹ H và ông Bành Phi L1 số tiền 26.200.000 đồng. Thanh toán tài sản chêch lệch cho ông Nguyễn Văn Tr số tiền 105.890.000 đồng.

Kể từ ngày bà H, ông L1, ông Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L chậm trả số tiền nêu trên, thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm*:*

Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn Tr mỗi người phải chịu 5.784.000 đồng án phí chia tài sản và 655.000 đồng án phí về nghĩa vụ trả nợ. Bà L được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.800.000 đồng, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018295 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà L còn phải nộp 3.639.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Lê Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 950.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018737 ngày 4/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4.Về chi phí định giá tài sản và đo đạc: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn Tr mỗi người phải chịu 1.369.500 đồng. Ông Tr phải nộp lại 1.369.500 đồng để hoàn trả cho bà L đã chi.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị Mỹ H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (10/01/2019), bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bành Phi L1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
TAND tỉnh
VKSND huyện
THADS huyện
Các đương sựLưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái